



PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
ACCREDITATION SCHEDULE

(Kèm theo quyết định số: /QĐ-VPCNCLQG ngày tháng 07 năm 2025
của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia)

TÊN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN/ Organisation

Tiếng Việt/ in Vietnamese: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH QUỐC TẾ
ISOCERT

Tiếng Anh/ in English: ISOCERT INTERNATIONAL CERTIFICATION AND INSPECTION
JOINT STOCK COMPANY

SỐ HIỆU CÔNG NHẬN/ Accreditation Number: VICAS 067 - OHSMS

ĐỊA CHỈ ĐƯỢC CÔNG NHẬN/ Location Covered by Accreditation

Địa chỉ / Address:

Số 40 dãy A lô 12, KĐT mới Định Công, phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

No. 40, Row A, Block 12, Dinh Cong New Urban Area, Phuong Liet Ward, Hanoi, Vietnam

Tel: +84 916679199

Fax:

CHUẨN MỰC CÔNG NHẬN/ Accreditation Standards

- ISO/IEC 17021-1: 2015;
- ISO/IEC TS 17021-10: 2018

HIỆU LỰC CÔNG NHẬN/ Accreditation period

Từ/ from /07/2025 đến/ to 05/12/2029



VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA (BoA)
CHƯƠNG TRÌNH CÔNG NHẬN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN (VICAS)

70 Trần Hưng Đạo, Cửa Nam, Hà Nội

Tel: +84 24 37911951; Email: vpcongnhan@boa.gov.vn; Web: www.boa.gov.vn

PHẠM VI ĐƯỢC CÔNG NHẬN/ Scope of Accreditation

Chứng nhận hệ thống quản lý an toàn sức khỏe và nghề nghiệp theo tiêu chuẩn ISO 45001: 2018 cho các lĩnh vực như sau/ *Certification of occupation health and safety management system according to ISO 45001: 2018 for the scopes as follows:*

Nhóm ngành/ <i>Technical cluster</i>	Mã IAF/ <i>IAF code</i>	Ngành kinh tế/ <i>Economic sector</i>
OH3: Cơ khí/ <i>Mechanical</i>	17	Các sản phẩm được chế tạo từ kim loại <i>Fabricated metal products</i>
	18	Máy móc, thiết bị <i>Machinery and equipment</i>
	19	Thiết bị điện, quang <i>Electrical and optical equipment</i>
	22	Phương tiện vận tải khác <i>Other transport equipment</i>
OH5: Xây dựng/ <i>Construction</i>	28	Xây dựng <i>Construction</i>
	34	Dịch vụ kỹ thuật <i>Engineering services</i>
OH6: Sản xuất hàng tiêu dùng/ <i>Goods production</i>	4	Dệt và sản phẩm dệt <i>Textiles and textile products</i>
	5	Da và sản phẩm da <i>Leather and leather products</i>
	6	Gỗ và sản phẩm gỗ <i>Wood and wood products</i>
	23	Những ngành sản xuất khác chưa được phân loại <i>Manufacturing not elsewhere classified</i>
OH7: Hóa chất/ <i>Chemicals</i>	14	Cao su và các sản phẩm nhựa <i>Rubber and plastic products</i>
	15	Các sản phẩm khoáng phi kim <i>Non-metallic mineral products</i>
OH9: Cung cấp/ <i>Supply</i>	25	Cung cấp điện <i>Electricity supply</i>
	26	Cung cấp ga <i>Gas supply</i>
	27	Cung cấp nước <i>Water supply</i>
OH10: Vận tải và quản lý chất thải/ <i>Transport & Waste management</i>	24	Tái chế <i>Recycling</i>
	31	Vận tải, lưu kho và thông tin <i>Transport, storage and communication</i>



VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA (BoA)
CHƯƠNG TRÌNH CÔNG NHẬN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN (VICAS)

70 Trần Hưng Đạo, Cửa Nam, Hà Nội

Tel: +84 24 37911951; Email: vpcongnhan@boa.gov.vn; Web: www.boa.gov.vn

Nhóm ngành/ <i>Technical cluster</i>	Mã IAF/ <i>IAF code</i>	Ngành kinh tế/ <i>Economic sector</i>
	39	Các dịch vụ xã hội khác <i>Other social services</i>
OH11: Dịch vụ/ <i>Services</i>	29	Bán buôn, bán lẻ; Sửa chữa ô tô, xe máy, đồ gia dụng <i>Wholesale and retail trade; Repair of motor vehicles, motorcycles and personal and household goods</i>
	32	Môi giới tài chính; Bất động sản; Cho thuê <i>Financial intermediation; Real estate; Renting</i>
	33	Công nghệ thông tin <i>Information technology</i>
	35	Dịch vụ khác <i>Other services</i>
	36	Hành chính công <i>Public administration</i>
	37	Giáo dục <i>Education</i>
OH13: Dịch vụ chăm sóc sức khỏe/ <i>Health</i>	38	Dịch vụ chăm sóc sức khỏe và các dịch vụ xã hội khác <i>Health and social work</i>

Ghi chú/Note: Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định Quốc tế ISOCERT phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *ISOCERT International Certification and Inspection Joint Stock Company must register its operations and obtain the registration certificate according to the law before providing certification services.*